TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 131/2018/QĐST-HNGĐ.	*Đan Phượng, ngày 21 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Cụm 5, xã T1, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Phan Ngọc C1, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đào Thị Phương H, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Đoàn Thị L2, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Cụm 3, xã T1, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Phan Ngọc C2, sinh ngày 13/11/1999; nơi cư trú: Thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Phan Ngọc G, sinh ngày 17/10/2001; nơi cú trú: Thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật cho anh G là ông Phan Ngọc C1 và bà Lê Thị L1 - bố mẹ đẻ anh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phan Ngọc C1 và bà Lê Thị L1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là anh Phan Ngọc C2, sinh ngày 13/11/1999 và anh Phan Ngọc G, sinh ngày 17/10/2001. Anh Phan Ngọc C2 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không phải giải quyết. Hai bên thỏa thuận ông Phan Ngọc C1 nuôi dưỡng anh Phan Ngọc G cho đến khi anh G đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ông Phan Ngọc C1 không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với bà Lê Thị L1. Bà Lê Thị L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Xác định ông Phan Ngọc C1, bà Lê Thị L1 có thửa đất số 394, tờ bản đồ 41, diện tích 350m^2 đất thổ cư . Trên đất có 04 gian nhà cấp 4; 01 gian bếp; 01 công trình phụ; 01 quán lợp tạm; 02 cây bưởi; 01 cây ổi tại thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 638586 ngày 22/9/2014 mang tên hộ ông Phan Ngọc C1 và bà Lê Thị L1.

Ông Phan Ngọc C1, bà Lê Thị L1, anh Phan Ngọc C2, anh Phan Ngọc G tự thỏa thuận về nhà, đất nêu trên và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

Ông Phan Ngọc C1 hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 04 gian nhà cấp 4; 01 gian bếp; công trình phụ; 01 quán lợp tạm; 02 cây bưởi; 01 cây ổi, tại thửa đất số 394, tờ bản đồ 41, diện tích 350m^2 ở thôn 8, xã T2, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 638586 ngày 22/9/2014 mang tên hộ ông Phan Ngọc C1 và bà Lê Thị L1.

(Các bên đã tự giao nhận cho nhau xong các tài sản nêu trên)

+ Về nợ chung: Xác định ông Phan Ngọc C1, bà Lê Thị L1 nợ bà Đào Thị Phương H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); nợ bà Đoàn Thị L2 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); nợ chị Lê Thị N số tiền 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng).

Ông Phan Ngọc C1, bà Lê Thị L1, bà Đào Thị Phương H, bà Đoàn Thị L2, chị Lê Thị N tự thỏa thuận về nợ chung và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

Ông Phan Ngọc C1 phải trả bà Đào Thị Phương H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); trả bà Đoàn Thị L2 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); trả chị Lê Thị N số tiền 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng).

+ Về công sức: Ông Phan Ngọc C1 và bà Lê Thị L1 xác định không có công sức.

Kể từ ngày bà Đào Thị Phương H, bà Đoàn Thị L2, chị Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông Phan Ngọc C1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

+ Về án phí:

Bà Lê Thị L1 tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005986 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Bà Lê Thị L1 được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Ông Phan Ngọc C1 tự nguyện chịu cả 1.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đào Thị Phương H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010054 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị L2 số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010053 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị N số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010052 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- UBND xã T2, huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hòa